

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Môn thi: LH-Thực hành - 1250423

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc	Bảo	17/05/2003	0.00	8.00			CĐLH17N05	
2	Thành Thu	Lan	03/09/2003	0.00	7.00			CĐLH17N07	
3	Đặng Như	An	10/05/2003	8.00				CĐLH19N02	
4	Thiều Ngọc Minh	Anh	21/04/2005	9.00				CĐLH19N09	
5	Vương Nguyễn Quốc	Bảo	10/02/2005	6.00				CĐLH19N07	
6	Trần Ngọc Bảo	Châu	20/05/2004	5.50				CĐLH18N05	
7	Huỳnh Văn	Chương	22/06/2005	7.00				CĐLH19N11	
8	Huỳnh Ngọc	Danh	22/01/2005	5.00				CĐLH19N10	
9	Võ Thị Hồng	Đào	23/02/2005	8.00				CĐLH19N06	
10	Huỳnh Thu	Đoan	14/04/2004	5.00				CĐLH19N04	
11	Dương Thị Thu	Đông	25/01/2005	6.00				CĐLH19N07	
12	Trần Hải	Dương	06/10/2004	8.00				CĐLH19N06	
13	Lê Thanh	Duy	13/03/2005	5.00				CĐLH19N08	
14	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/11/2005	6.00				CĐLH19N03	
15	Kiều Ngọc	Giàu	13/09/2004	6.00				CĐLH18N09	
16	Ngô Thị Ngọc	Hân	14/04/2005	8.00				CĐLH19N12	
17	Lê Thị Thúy	Hằng	11/06/2005	6.00				CĐLH19N04	
18	Trần Thị Thuý	Hằng	20/12/2005	6.00				CĐLH19N02	
19	Lê Công	Hậu	13/11/2005	8.00				CĐLH19N12	
20	Phạm Ngọc	Hòa	10/04/2001	7.00				CĐLH19N01	
21	Phạm Trương Minh	Hoàng	01/06/2004	6.00				CĐLH18N05	
22	Võ Phương	Hoàng	17/10/2005	8.00				CĐLH19N12	
23	Đinh Thị Huỳnh	Hương	24/02/2005	8.00				CĐLH19N06	
24	Nguyễn Ngọc Thùy	Hương	23/09/1999	6.00				CĐLH19N01	
25	Nguyễn Thị Xuân	Huy	10/04/2005	7.00				CĐLH19N07	
26	Nguyễn Trường	Huy	05/05/2005	8.00				CĐLH19N07	
27	Ngô Mộng Mỹ	Huyền	06/08/2004	8.00				CĐLH19N02	
28	Trần Thị Mỹ	Huyền	25/07/1999	5.00				CĐLH18N11	
29	Đoàn Tấn	Kiệt	24/11/2004	7.00				CĐLH19N01	
30	Võ Thị Như	Kiều	06/06/2004	7.00				CĐLH19N02	
31	Trần Thị	Lài	28/12/2005	7.00				CĐLH19N03	
32	Nguyễn Thị Diễm	Lệ	21/10/2004	9.00				CĐLH19N01	
33	Nguyễn Hoa Chi	Linh	27/09/2005	8.00				CĐLH19N03	
34	Nguyễn Ngọc Ánh	Linh	15/01/2004	8.00				CĐLH19N08	
35	Nguyễn Phi	Long	26/11/2005	8.00				CĐLH19N05	
36	Hoàng Thị	Lý	05/04/2005	6.00				CĐLH19N08	
37	Trần Xuân	Mai	25/11/2004	6.00				CĐLH19N01	
38	Vũ Trà	My	15/09/2005	7.00				CĐLH19N03	
39	Huỳnh Thu	Ngân	12/6/2004	7.00				CĐLH18N08	
40	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	02/03/2005	9.00				CĐLH19N07	
41	Ngô Thị Đông	Nghi	01/01/2004	7.00				CĐLH18N06	
42	Bùi Nguyên	Ngọc	17/09/2005	8.00				CĐLH19N05	
43	Lê Huỳnh Như	Ngọc	05/12/2004	7.00				CĐLH19N01	
44	Lê Trần Giáng	Ngọc	27/09/2003	9.00				CĐLH19N01	
45	Cao Thị Thu	Nguyệt	16/04/2005	7.50				CĐLH19N06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
46	Lê Thị Yên	Nhi	09/09/2005	7.00			CĐLH19N09	
47	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	02/01/2005	9.00			CĐLH19N03	
48	Nguyễn Hoàng Hào	Nhiên	23/08/2005	7.00			CĐLH19N10	
49	Lâm Tâm	Như	27/07/2005	8.00			CĐLH19N03	
50	Trần Hoàng Quỳnh	Như	17/04/2005	8.50			CĐLH19N08	
51	Nguyễn Võ Tuyền	Nhung	23/04/2002	9.00			CĐLH19N01	
52	Châu Minh	Nhật	02/09/2005	8.50			CĐLH19N07	
53	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	07/12/2004	9.00			CĐLH19N02	
54	Lê Đức	Phổ	02/07/2005	8.50			CĐLH19N07	
55	Lê Thị	Phương	19/07/2005	8.00			CĐLH19N10	
56	Trần Thị Yên	Phương	02/01/2005	9.00			CĐLH19N03	
57	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	29/12/2005	9.00			CĐLH19N06	
58	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	12/10/2005	9.00			CĐLH19N10	
59	Võ Thị Kim	Quyên	23/11/2005	8.00			CĐLH19N05	
60	Lê Dương	Quỳnh	12/12/2005	6.00			CĐLH19N10	
61	Nguyễn Mộng Như	Quỳnh	22/10/2005	6.50			CĐLH19N08	
62	Dương Tấn	Tài	07/04/2005	9.00			CĐLH19N12	
63	Lê Minh	Tài	05/02/2005	6.00			CĐLH19N04	
64	Lê Đỗ Thanh	Thảo	27/04/1998	8.50			CĐLH19N01	
65	Lê Thị Như	Thảo	07/09/2005	7.00			CĐLH19N03	
66	Nguyễn Lê Hiếu	Thảo	04/05/2005	7.00			CĐLH19N08	
67	Trần Chí	Thịnh	29/04/2005	8.00			CĐLH19N09	
68	Hồ Lý Anh	Thư	18/10/2003	9.00			CĐLH19N01	
69	Huỳnh Thị Anh	Thư	10/03/2004	8.50			CĐLH18N09	
70	Lê Trần Minh	Thư	26/07/2005	8.00			CĐLH19N06	
71	Phạm Anh	Thư	21/06/2005	7.00			CĐLH19N08	
72	Đoàn Thị Ngọc	Thương	21/06/2004	9.00			CĐLH19N03	
73	Nguyễn Thị Phương	Thúy	22/06/2001	8.00			CĐLH19N01	
74	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	17/03/2004	7.50			CĐLH19N01	
75	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/11/2003	7.00			CĐLH19N01	
76	Nguyễn Phan Bảo	Toàn	25/11/2003	8.00			CĐLH19N09	
77	Trần Ngọc Bảo	Trâm	21/02/2004	6.00			CĐLH19N01	
78	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	28/01/2005	6.00			CĐLH19N07	
79	Lê Thị Thùy	Trang	07/07/2005	9.00			CĐLH19N08	
80	Nguyễn Thị Đoan	Trang	12/07/2005	8.00			CĐLH19N07	
81	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/09/2003	8.00			CĐLH19N03	
82	Phan Thị Yên	Trang	22/09/2005	7.50			CĐLH19N03	
83	Phan Thế	Trí	02/08/2005	8.00			CĐLH19N02	
84	Huỳnh Thanh	Trúc	06/02/2005	9.00			CĐLH19N03	
85	Nguyễn Như	Trùng	21/04/2004	7.00			CĐLH19N12	
86	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	23/02/2005	8.00			CĐLH19N06	
87	Bùi Ngọc Minh	Tuyết	01/05/2005	7.00			CĐLH19N06	
88	Đỗ Thị Tường	Vy	13/08/2004	8.50			CĐLH19N01	
89	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/11/2005	8.50			CĐLH19N09	
90	Trần Ngọc Thúy	Vy	09/05/2005	7.50			CĐLH19N04	
91	Sam Ngọc Như	Ý	28/10/2005	7.00			CĐLH19N07	
92	Thạch Thị Như	Ý	02/03/2005	7.50			CĐLH19N02	
93	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	22/10/2005	9.00			CĐLH19N02	
94	Nguyễn Thị Kim	Yên	01/10/2004	7.50			CĐLH19N03	